

BOSTARELBOSTON 20

R THUỐC BÁN THEO ĐƠN

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Hoạt chất: Trimetazidin dihydroclorid20 mg

Tá dược: Manitol, tinh bột ngô, Kollidon K30, Talc, Magnesi stearat, HPMC, PEG 6000, Titan dioxyd, Sunset yellow, Ponceau.

DƯỢC LỰC HỌC

Trimetazidin là chất ức chế chọn lọc và đặc hiệu lên enzym oxi hóa beta của acid béo. Trimetazidin làm tăng dự trữ lưu lượng mạch vành, do đó gây trì hoãn cơn thiếu máu cục bộ do gắng sức, bắt đầu từ ngày điều trị thứ 15; giảm nguy cơ tăng huyết áp mà không làm thay đổi đáng kể tần số tim; làm giảm đáng kể tần số xuất hiện cơn đau thắt ngực.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Nồng độ cực đại đạt được trung bình khoảng 5 giờ sau khi uống. Sau 24 giờ, nồng độ trong huyết tương duy trì ở mức 75% của nồng độ cực đại trong 11 giờ. Trạng thái ổn định đạt được chậm nhất là vào giờ thứ 60.

Các tính chất dược động học của trimetazidin không bị ảnh hưởng bởi thức ăn. Thể tích phân bố là 4,8 L/kg; gắn kết với protein huyết tương thấp, khoảng 16%.

Trimetazidin được đào thải chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không biến đổi. Thời gian bán thải khoảng 6 giờ.

CHỈ ĐỊNH

BOSTAREL 20 được chỉ định trong:

Điều trị dự phòng cơn đau thắt ngực.

Điều trị hỗ trợ triệu chứng chóng mặt và ù tai.

Điều trị hỗ trợ trong suy giảm thị lực nặng và rối loạn thị giác có nguồn gốc tuần hoàn.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Cách dùng: BOSTAREL 20 được dùng bằng đường uống, vào bữa ăn.

Liều lượng: 1 viên/lần x 3 lần/ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân quá mẫn với trimetazidin hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ trong thời kỳ mang thai hoặc cho con bú.

THẬN TRỌNG

BOSTAREL 20 không dùng để điều trị cắt cơn đau thắt ngực, không được dùng như một thuốc khởi đầu điều trị đau thắt ngực không ổn định hoặc nhồi máu cơ tim.

Không nên sử dụng thuốc này giai đoạn trước khi nhập viện và trong suốt những ngày đầu nhập viện.

Trong trường hợp xảy ra cơn đau thắt ngực, cần đánh giá lại tình trạng bệnh mạch vành để áp dụng biện pháp điều trị thích hợp.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Cho tới nay chưa có báo cáo về tương tác thuốc. Đặc biệt, không có tương tác giữa Trimetazidin với thuốc phong bế beta, các chất đối kháng calci, các nitrat, heparin, thuốc chống rối loạn lipid-máu hoặc digitalis.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Trimetazidin được dung nạp tương đối tốt. Hiếm gặp các trường hợp rối loạn tiêu hóa (buồn nôn, nôn) và tình trạng dị ứng.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai: Vì không có dữ liệu lâm sàng đầy đủ và lý do an toàn cho thai nhi, không chỉ định dùng thuốc này cho phụ nữ có thai.

Phụ nữ cho con bú: Vì không có dữ liệu về việc thuốc có được bài xuất vào sữa mẹ hay không, trimetazidin không được khuyến cáo sử dụng cho phụ nữ cho con bú.

QUÁ LIỀU

Nếu gặp trường hợp uống quá liều, phải báo ngay cho bác sĩ để có biện pháp xử lý.

BẢO QUẢN: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

ĐÓNG GÓI: Hộp 2 vỉ x 30 viên nén bao phim.

TIÊU CHUẨN: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

ĐỂ XA TÀM TAY CỦA TRẺ EM

THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ



Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM

Số 43, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam

ĐT: 06503 769 606 - Fax: 06503 769 601